

# CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

## Huyện Tháp Mười

### CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		U' TH 2020/KH 2020	Đánh giá
			Kế hoạch năm	Ước TH cả năm		
A	B	C	2,00	3,00	4=3/2	5
I	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>					
1	Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu và tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (giá năm 2010)		13.000,00	12.862,00	98,9	không đạt
	Giá trị sản xuất (giá năm 2010)	tỷ đồng	6.402,49	6.359,00	99,3	không đạt
	- Nông - lâm sản và thủy sản	tỷ đồng	5.000,00	4.946,00	98,9	không đạt
	- Công nghiệp - xây dựng	tỷ đồng	1.402,49	1.413,00	100,7	vượt
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa b	tỷ đồng	6.597,51	6.503,00	98,6	không đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng	55,00	55,00	100,0	đạt
3	Tổng diện tích gieo trồng	ha	100.800	112.723	111,8	vượt
	- Cây lúa	ha	100.000	111.697	111,7	vượt
	- Sản lượng lúa	tấn	560.000	701.672	125,3	vượt
	- Cây màu	ha	800	1.026	128,3	vượt
4	Liên kết tiêu thụ	ha	20.000	23.802	119,0	vượt
5	- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	triệu đồng	182.050	184.758	101,5	không vượt chỉ tiêu tăng 12%
	- Chi ngân sách địa phương	triệu đồng	634.927	914.582	144,0	vượt
6	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,60	99,60	100,0	đạt
II	<b>Chỉ tiêu văn hóa - xã hội</b>					
7	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	lđ	5.000,00	5.293,00	105,9	vượt
	Trong đó: Đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	lđ	149,00	101,00	67,8	không đạt
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo	%	60,00	60,09	100,2	vượt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	55,00	50,73	92,2	không đạt
9	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	%	13,30	12,74	giảm 0,56%	vượt
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi)	%	18,81	18,20	giảm 0,6%	vượt
10	Tỷ lệ hộ nghèo duy trì dưới	%	<2,5	<2,5	<2	đạt
11	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1	<1	<1	đạt
12	Tỷ lệ huy động học sinh đến trường					không đạt
	- Nhà trẻ	%	31,00	28,44	91,7	không đạt
	- Mẫu giáo 3-5 tuổi	%	87,00	84,79	97,5	không đạt
	- Mẫu giáo 5 tuổi	%	99,10	100,00	100,9	vượt
	- Tiểu học	%	99,90	100,00	100,1	vượt
	- Trung học cơ sở	%	96,10	99,89	103,9	vượt
13	Số trường đạt chuẩn quốc gia trong năm	Trường	1,00	1,00	100	đạt
14	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	88,00	89,03	101,2	vượt
15	Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	8,00	7,90	98,8	không đạt
16	Tram y tế đạt chuẩn quốc gia	%	100,00	100,00	100,0	đạt
17	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hoá	%	90,00	95,07	105,6	vượt
III	<b>Chỉ tiêu về môi trường</b>					
18	Tỷ lệ rác thác khu vực chợ, cụm tuyến dân cư và đô thị được thu gom	%	100,00	100,00	100	đạt
19	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom đúng quy định	%	100,00	100,00	100	đạt
20	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	4,20	4,20	100	đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		U' TH 2020/KH 2020	Đánh giá
			Kế hoạch năm	Ước TH cả năm		
A	B	C	2,00	3,00	4=3/2	5
21	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,00	99,43	100,4	vượt
<b>III</b>	<b>Xây dựng nông thôn mới</b>					
22	Duy trì 9/9 tiêu chí Nông thôn mới			duy trì		đạt
23	Xã nông thôn mới nâng cao	xã	1-2	1,00		đạt
24	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	xã	1,00	0,00	0	không đạt
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu quốc phòng - an ninh</b>					
25	Tỷ lệ giao quân	%	100,00	100,00	100	đạt
26	Tỷ lệ Tổ nhân dân tự quản mạnh, khá	%	80,00	80,00	100	đạt
27	Tỷ lệ điều tra khám phá án	%	75,00	75,00	100	đạt
	Trong đó: Điều tra và khám phá án rất nghiêm trọng và nghiêm trọng	%	90,00	90,00	100	đạt
28	Giảm tỷ lệ tai nạn giao thông đường bộ	%	5-7%	tăng 8,3%		không đạt

- 21/28 chỉ tiêu vượt và đạt (trong đó: 7 chỉ tiêu vượt: Tổng diện tích gieo trồng, Diện tích liên kết tiêu thụ, Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi, Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa, Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ).

- 07/28 Chỉ tiêu không đạt: Tổng giá trị sản xuất, Thu ngân sách, Lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, số bác sĩ/ vạn dân, Xã nông thôn mới kiểu mẫu, Tỷ lệ tai nạn giao thông